

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 19-4-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Huỳnh Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông T Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/HSST-QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T, sinh năm 1996 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B xã L, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị B (đã chết); tiền án: không; tiền sự: ngày 18 tháng 9 năm 2020, bị Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 05/2020/QĐ-TA ngày 18 tháng 9 năm 2020, thời hạn 22 tháng nhưng do tình hình dịch Covid 19 nên chưa thực hiện được; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05 tháng 12 năm 2020 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Ông Trần Văn T, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh K, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Thẩm Thanh V, sinh năm 1978; nơi cư trú: , vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 05 tháng 12 năm 2020, T đi bộ từ nhà đến khu vực ấp Cầu Đôi, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Khi Thái đi ngang nhà ông Trần Văn T thì phát hiện 01 xe mô tô biển số 68C1-160.35 đang dựng trong sân nhà, trên xe cắm chìa khóa nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên. T quan sát không có người trông coi, lén lút mở công vào trong sân đẩy xe mô tô trên ra đường và nổ máy xe chạy. Lúc này ông T đang ở phía sau nhà nghe tiếng xe nên nhìn ra phía trước thì thấy T điều khiển xe mô tô trên bỏ chạy, ông T liền la lên rồi cùng người dân đuổi theo. Trên đường bỏ chạy T dừng xe kiểm tra cốp xe thì phát hiện bên trong cốp xe có 01 điện thoại di động hiệu BLU và số tiền 342.000 đồng, T liền lấy bỏ vào túi quần tiếp tục điều khiển xe chạy. Khi đi đến khu vực đường Quốc lộ 13, thuộc tổ 1, ấp Cầu Đôi, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương thì T bị ông T và người dân bắt giữ và thông báo lực lượng Công an xã Lai Hưng. Công an xã Lai Hưng tiếp nhận lập biên bản quả tang và chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 09 tháng 12 năm 2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 01 xe mô tô biển số 68C1-160.35, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đen, số khung FC10DY055305, số máy IFC1055291, xe đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu 2014 có giá trị 11.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu BLU, màu Gold giá 500.000 đồng và 342.000 đồng tiền mặt. Tổng giá trị tài sản là 11.842.000 đồng.

Qua điều tra xác minh, ông Thẩm Thanh V là người đứng tên giấy đăng ký xe mô tô, biển số 68C1-160.35, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đen, số khung FC10DY055305, số máy IFC1055291, ông V đã bán xe này cho ông Trần Văn T nên đây là tài sản của ông Tèo. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu BLU và số tiền 342.000 đồng. Ngày 14 tháng 12 năm 2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng ra Quyết định xử lý vật chứng và đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKSBB ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015

được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong.

Đối với Quyết định số 05/2020/QĐ-TA ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 22 tháng đối với Nguyễn Quốc T, đến ngày bị bắt tạm giam Nguyễn Quốc T chưa chấp hành được do tình hình dịch Covid 19. Căn cứ vào Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính đề nghị Hội đồng xét xử miễn chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Quốc T.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận.

Bị cáo T nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, bị cáo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: khoảng 16 giờ ngày 05 tháng 12 năm 2020, tại xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, bị cáo T có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 68C1-160.35, bên trong xe có 01 điện thoại di động nhãn hiệu BLU và 342.000 đồng của bị hại, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 11.842.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, phù hợp với nội dung Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận

thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Như vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, đủ để giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không, Tuy nhiên, bị cáo T có nhân thân xấu ngày 18 tháng 9 năm 2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn là 22 tháng nhưng do tình hình dịch Covid 19 nên chưa đưa bị cáo vào cơ sở cai nghiện được.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội gây thiệt hại chưa lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 68C1-160.35, 01 điện thoại di động nhãn hiệu BLU và 342.000 đồng tiền mặt của đã trả lại cho bị hại là phù hợp quy định của pháp luật, bị hại không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát về miễn chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Quốc T theo quyết định số 05/2020/QĐ-TA ngày 18 tháng 9 năm 2020 là có căn cứ theo Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 99, 292 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 12 năm 2020.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa